

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I, LỚP 11**

**1. Khung ma trận đề kiểm tra giữa kì/cuối kì**

| T<br>T | Chương/<br>chủ đề   | Nội dung/đơn vị kiến thức   | Mức độ nhận thức    |    |                    |          |                  |          |                         |      | Tổng<br>% điểm |
|--------|---|---|---------------------|----|--------------------|----------|------------------|----------|-------------------------|------|----------------|
|        |   |   | Nhận biết<br>(TNKQ) |    | Thông hiểu<br>(TL) |          | Vận dụng<br>(TL) |          | Vận dụng<br>cao<br>(TL) |      |                |
|        |   |   | TNKQ                | TL | TNK<br>Q           | TL       | TNK<br>Q         | TL       | TNKQ                    | TL   |                |
| 1      | - Sự khác biệt về trình<br>độ phát triển KT-XH<br>của các nhóm nước<br>- Toàn cầu hoá, khu vực<br>hoá kinh tế và an ninh<br>toàn cầu<br>Khu vực Mỹ Latinh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm nước</li> <li>- Sự khác biệt về kinh tế - xã hội</li> <li>- Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên</li> <li>- Dân cư, xã hội</li> <li>- Kinh tế</li> <li>- Cộng hoà Liên bang Brasil (Bra-xin): Tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết</li> </ul> | 4                   |    |                    |          |                  |          |                         |      |                |
|        |   |   |                     |    |                    |          |                  |          |                         |      | 1,0<br>điểm    |
| 2      | Liên minh châu Âu (EU)  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một liên kết kinh tế khu vực lớn</li> <li>- Vị thế của khu vực trong nền kinh tế thế giới</li> <li>- Cộng hoà Liên bang</li> </ul>   | 6                   |    |                    | 1.a<br>* |                  | 2.a<br>* |                         | 2.b* |                |
|        |   |   |                     |    |                    |          |                  |          |                         |      | 3,0            |



|          |   |   |   | (TNKQ)   |    | (TL)     |    | (TL)     |    | (TL)     |    |             |
|----------|---|---|---|----------|----|----------|----|----------|----|----------|----|-------------|
|          |   |   |   | TNK<br>Q | TL | TNK<br>Q | TL | TNK<br>Q | TL | TNK<br>Q | TL |             |
| <b>1</b> | <b>Nội dung kiểm tra giữa kì I (10% - 1,0 điểm)</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm nước</li> <li>- Sự khác biệt về kinh tế - xã hội</li> <li>- Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên</li> <li>- Dân cư, xã hội</li> <li>- Kinh tế</li> <li>- Cộng hoà Liên bang Brasil (Bra-xin): Tình hình phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội cần phải giải quyết</li> </ul> | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.</li> <li>- Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước.</li> <li>- Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế.</li> <li>- Trình bày được các biểu hiện của khu vực hoá kinh tế.</li> <li>- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).</li> <li>- Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự</li> </ul> | 4        |    |          |    |          |    |          |    | 1,0<br>điểm |

|  |  |   |   |   |  |  |      |  |      |  |  |  |
|--|--|---|---|---|--|--|------|--|------|--|--|--|
|  |  |   | <p>nhiên, dân cư và xã hội khu vực Mỹ La tinh.</p> <p>– Trình bày được vấn đề đô thị hoá, một số vấn đề về dân cư, xã hội của khu vực Mỹ La tinh.</p>   |   |  |  |      |  |      |  |  |  |
|  | <p><b>Liên minh châu Âu (EU)</b><br/><b>20% - 2 điểm</b></p> | <p>– Một liên kết kinh tế khu vực lớn</p> <p>– Vị thế của khu vực trong nền kinh tế thế giới</p> <p>– Cộng hoà Liên bang Đức: Công nghiệp</p> | <p><b>Nhận biết</b></p> <p>Trình bày được quy mô, mục tiêu, thể chế hoạt động của EU.</p> <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>- Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới và một số biểu hiện của hợp tác và liên kết trong khu vực.</p> <p>– Trình bày được sự phát triển công nghiệp của Cộng hoà Liên bang Đức.</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích được số liệu, tư liệu.</p> <p>– Vẽ được biểu đồ, nhận xét.</p> | 2 |  |  | 1.a* |  | 2.a* |  |  |  |

|  |   |  |  |   |  |  |      |  |      |  |      |  |
|--|---|--|--|---|--|--|------|--|------|--|------|--|
|  | <p><b>Khu vực Đông Nam Á</b><br/>- 20% điểm</p> | <p>– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên<br/>– Dân cư, xã hội<br/>– Kinh tế<br/>– Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)<br/>– Hoạt động kinh tế đối ngoại</p> | <p><b>Nhận biết</b><br/>– Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội.<br/>– Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung.<br/>- Trình bày sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.</p> <p><b>Thông hiểu</b><br/>– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.<br/>– Phân tích được tác động của các đặc điểm dân cư, xã hội tới phát triển kinh tế - xã hội.<br/>– So sánh được với EU về mục tiêu của ASEAN; cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá; phân tích được các thành tựu và thách thức của ASEAN.</p> | 2 |  |  | 1.a* |  | 2.a* |  | 2.b* |  |
|--|---|--|--|---|--|--|------|--|------|--|------|--|

|  |   |   |  |   |  |  |      |  |      |  |      |
|--|---|---|--|---|--|--|------|--|------|--|------|
|  |   |   | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Chứng minh được sự hợp tác đa dạng và vai trò của Việt Nam trong ASEAN.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.</li> <li>– Vẽ được biểu đồ, nhận xét biểu đồ, phân tích bảng số liệu về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.</li> <li>– Nêu thông tin địa lí về hoạt động du lịch; xuất, nhập khẩu của khu vực Đông Nam Á.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung, sự phát triển các ngành kinh tế của khu vực Đông Nam Á.</li> </ul> |   |  |  |      |  |      |  |      |
|  | <b>Khu vực Tây Nam Á</b><br><b>20% - 2 điểm</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên</li> <li>– Dân cư, xã</li> </ul> | <b>Nhận biết</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội.</li> </ul>   | 2 |  |  | 1.a* |  | 2.a* |  | 2.b* |

|  |  |   |   |   |  |     |  |      |  |      |  |
|--|--|---|---|---|--|-----|--|------|--|------|--|
|  |  | <p>hội</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Kinh tế</li> <li>– Vấn đề đầu mỏ</li> </ul>                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, của một số đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, xã hội đến phát triển kinh tế - xã hội.</li> <li>– Trình bày được một số thông tin nổi bật về tài nguyên dầu mỏ và việc khai thác ở khu vực Tây Nam Á.</li> </ul> <p><b>Vận dụng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.</li> </ul> <p><b>Vận dụng cao</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Giải thích được tình hình phát triển kinh tế chung của khu vực.</li> </ul> |   |  |     |  |      |  |      |  |
|  | <p><b>Hợp chúng quốc Hoa Kỳ</b></p> <p><b>30% - 3 điểm</b></p> | <ul style="list-style-type: none"> <li>– Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên</li> <li>– Dân cư, xã hội</li> </ul> | <p><b>Nhận biết</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Trình bày được vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội.</li> <li>– Trình bày được sự phát</li> </ul>   | 6 |  | 1.b |  | 2.a* |  | 2.b* |  |

|  |  |                  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p>– Kinh tế</p> | <p>triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ).</p> <p>- Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kỳ.</p> <p><b>Thông hiểu</b></p> <p>– Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p>– Phân tích được tác động của quy mô và sự gia tăng dân số, sự đa dạng về chủng tộc, nhập cư, sự phân bố dân cư tới phát triển kinh tế - xã hội.</p> <p><b>Vận dụng</b></p> <p>– Đọc được bản đồ, rút ra nhận xét; phân tích số liệu, tư liệu.</p> <p>– Vẽ được biểu đồ, nhận</p> |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|



|                |  |  |  |            |            |            |            |             |  |  |  |  |
|----------------|--|--|--|------------|------------|------------|------------|-------------|--|--|--|--|
|                |  |  | xét và giải thích.<br><b>Vận dụng cao</b><br>– Giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới. |            |            |            |            |             |  |  |  |  |
| <b>Tổng số</b> |  |  |  | <b>40%</b> | <b>30%</b> | <b>20%</b> | <b>10%</b> | <b>100%</b> |  |  |  |  |

### 3. Đề kiểm tra

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I, MÔN ĐỊA LÍ 11**  
(Thời gian làm bài: 45 phút)

#### I. Trắc nghiệm (4,0 điểm)

**Câu 1.** Trong các quốc gia sau đây, quốc gia nào là nước đang phát triển?

- A. Trung Quốc                      B. Ca-na-đa                      C. Ô-xtrây-li-a                      D. Anh

**Câu 2.** Các nước phát triển có

- A. tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên thấp.  
B. tuổi thọ trung bình dân cư cao.  
C. Cơ cấu dân số theo độ tuổi đang già đi.  
D. Quá trình đô thị hóa diễn ra từ rất sớm.

**Câu 3.** Tổ chức thương mại thế giới (WTO) được thành lập vào năm nào sau đây?

- A. 1995.                      B. 1994.                      C. 1989.                      D. 1945.

**Câu 4.** Liên hợp quốc mục đích thành lập là

- A. đảm bảo ổn định hệ thống tiền tệ quốc tế.

- B. duy trì nền hòa bình và trật tự thế giới bền vững.
- C. hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững và thịnh vượng ở khu vực.
- D. hướng tới nền thương mại toàn cầu tự do, minh bạch, thuận lợi.

**Câu 5.** Số lượng thành viên của tổ chức EU hiện nay là

- A. 24          B. 25          C. 23          D. 27

**Câu 6.** Đồng tiền chung của EU ra đời năm

- A. 1999          B. 2000          C. 2002          D. 1992

**Câu 7.** Quốc gia nào sau đây nằm ở bộ phận Đông Nam Á lục địa

- A. Ma-lai-xi-a.      B. Xin-ga-po.          C. Việt Nam.      D. In-đô-nê-xi-a.

**Câu 8.** Đông Nam Á lục địa chủ yếu có khí hậu

- A. cận nhiệt đới ẩm. B. cận nhiệt đới khô.  
C. ôn đới hải dương. D. nhiệt đới gió mùa.

**Câu 9.** Kênh Xuy-ê nối liền

- A. Địa Trung Hải với Ấn Độ Dương.  
B. Biển Đỏ với Địa Trung Hải.  
C. Biển Đen với Ấn Độ Dương

**Câu 10.** Phần lớn dân cư trong khu vực Tây Nam Á theo

- A. Phật giáo          B. Thiên chúa giáo          **C. Hồi giáo**          D. Do thái giáo.

**Câu 11.** Lãnh thổ Hoa Kỳ **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

- A. Bắc Băng Dương.                      B. Đại Tây Dương.  
C. Ấn Độ Dương.                      D. Thái Bình Dương.

**Câu 12.** Ở Hoa Kỳ, bang nằm giữa Thái Bình Dương là

- A. Ha - oai.                      B. A-la-xca.  
C. Caliphocnia.                D. Niu-Mê hi cô

**Câu 13.** Vùng lãnh thổ Hoa Kỳ có khí hậu cận cực là

- A. Ha-oai    B. A-la-xca                      C. Các bang phía Bắc.                D. Phía Tây bắc

**Câu 14.** Dân số Hoa Kỳ tăng nhanh chủ yếu do

- A. tăng số người nhập cư.                B. tỉ suất sinh cao.                      C. gia tăng tự nhiên cao.                D. tỉ suất tử thấp.

**Câu 15.** Phát biểu nào sau đây đúng về nền kinh tế Hoa Kỳ?

- A. Giá trị GDP chiếm hơn 70% GDP của toàn thế giới .  
B. Có tốc độ tăng GDP cao nhất so với các nước trên thế giới.  
C. Giá trị GDP chiếm vị trí hàng đầu trên thế giới.  
D. Nông nghiệp có vai trò quan trọng nhất nền kinh tế.

**Câu 16.** Ngành công nghiệp hàng không vũ trụ của Hoa Kỳ phát triển mạnh ở các bang

- A. vùng đông Bắc                      B. ven Thái bình Dương  
C. vùng nội địa .                      D. Alaxca và Ha-oai.

## **II. Tự luận (6 điểm)**

**Câu 1 (3,0 điểm).**

- a) Chứng minh được vai trò của Việt Nam trong ASEAN.  
b) Phân tích những thuận lợi của vị trí địa lí Hoa Kỳ đối với phát triển kinh tế-xã hội.

**Câu 2 (3,0 điểm).**

- a) Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy nhận xét vai trò của ngành dầu mỏ ở Tây Nam Á so với thế giới.

Trữ lượng dầu mỏ và tình hình sản xuất dầu mỏ của khu vực Tây Nam Á và thế giới năm 2020

| <b>Khu vực</b> | <b>Tổng trữ lượng<br/>(tỉ tấn)</b> | <b>Lượng dầu thô khai thác<br/>(triệu tấn)</b> | <b>Lượng dầu thô xuất khẩu<br/>(triệu tấn)</b> |
|----------------|------------------------------------|--|--|
| Tây Nam Á      | 113                                | 1297   | 874  |
| Thế giới       | 244                                | 4165   | 2108   |

b) Hãy giải thích tại sao Hoa Kỳ có nền kinh tế hàng đầu trên thế giới.

#### **4. Hướng dẫn chấm**

Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết.

Sự khác biệt: 3

TCH, KVH: 4

Kinh tế tri thức: 3

Mỹ la tinh: 4

LMCA: 4

ĐNA: 4

TNA: 4

HK: 6

LBN: 6

NB: 6

TQ: 6

OX: 6

Nam Phi: 5